**GIÁO DỤC PHỔ THÔNG PHÁP – VIỆT (1864 - 1945):**

**TIẾP CẬN TỪ BẬC TIỂU HỌC**

*Lê Thị Hoài Thanh*

*Khoa Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Huế*

**Tóm tắt:**

Ngay sau khi thiết lập chế độ thuộc địa, người Pháp tiến hành tái thiết nền giáo dục Việt Nam bằng việc xóa bỏ dần nền giáo dục Nho học để đi đến xác lập nền giáo dục mới nhằm đào tạo một đội ngũ trí thức phục vụ cho chính quyền cai trị. Để đạt được mục tiêu này, người Pháp từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống giáo dục phổ thông, chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học và giáo dục chuyên biệt. Trong đó, giáo dục tiểu học được chính quyền Pháp chú trọng bởi đây chính là bậc học đóng giữ vai trò nền tảng không thể thiếu đối với giáo dục trung học. Do vậy, nghiên cứu về quá trình hình thành, phát triển; chương trình giảng dạy; đội ngũ giáo viên; nội dung, quy chế thi cử, hoạt động thanh tra, giám sát trường học,… sẽ góp thêm một cái nhìn toàn diện về nền giáo dục Việt Nam thời Pháp thuộc.

**Từ khóa**: giáo dục Pháp – Việt, phổ thông, tiểu học

**1. Mở đầu**

Hiệp ước Patenôtre được ký kết vào ngày 6-6-1884 đánh dấu sự thất bại của triều Nguyễn trước người Pháp. Hay nói cách khác, thực dân Pháp đã hoàn thành công cuộc xâm lược và biến Việt Nam trở thành nước thuộc địa nửa phong kiến. Song song với hoạt động tổ chức bộ máy cai trị, đẩy mạnh công cuộc khai thác thuộc địa, trên phương diện văn hóa – xã hội, người Pháp đặc biệt chú trọng đến giáo dục và xem đây là một vũ khí sắc bén để đạt được ý đồ “*tạo ra một thế hệ trí thức mới tuyệt đối trung thành với mẫu quốc thấm nhuần ngôn ngữ, văn hóa Pháp*” [4, tr.1]. Do vậy, chính quyền Pháp tập trung xây dựng, phát triển nền giáo dục mới cho người bản xứ. Và trong các bậc học, giáo dục tiểu học luôn được chính quyền Pháp hết sức lưu tâm bởi nó được ví như “*nền móng*” của một sản phẩm giáo dục. Trên cơ sở đó, hàng loạt các Nghị định, Thông tư, Quyết định từ các cấp (Toàn quyền Đông Dương, Thống đốc, Thống sứ, Trưởng ban…) quy định về vấn đề tổ chức, chương trình giảng dạy, môn học, bằng cấp, quy chế thi cử, công tác thanh tra, giám sát…được ban hành trong suốt thời gian từ cuối thế kỷ XIX đến gần giữa thế kỷ XX đã minh chứng rõ nét cho nỗ lực của người Pháp trong việc thiết lập bậc giáo dục tiểu học. Những hoạt động tích cực này không chỉ góp phần đưa đến sự hoàn thiện, quy cũ mà còn khẳng định vai trò, vị trí quan trọng của bậc tiểu học trong chương trình giáo dục phổ thông Pháp – Việt.

**2.1. Quá trình hình thành và hoàn thiện bậc tiểu học**

Ngay sau khi chiếm được ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, Chuẩn Đô đốc - Thống đốc Nam Kỳ De La Grandière ban hành Lệnh số 60 ngày 16-7-1864 về việc thành lập một số trường tiểu học để dạy chữ Quốc ngữ và toán pháp. Đây chính là thời điểm đánh dấu cho sự xuất hiện của những ngôi trường Pháp – Việt đầu tiên ở Nam Kỳ. Đến năm 1874, Thống đốc Émile Krantz chia nền giáo dục ở Nam Kỳ làm hai cấp tiểu học và trung học. Thời gian học của bậc tiểu học là 3 năm.

Sau năm năm áp dụng chương trình giáo dục theo quy chế năm 1874, ngày 17-3-1879, Thống đốc Nam Kỳ Jules Lafont ban hành Nghị định mới về giáo dục với nội dung bãi bỏ tất cả các trường đã được tổ chức trước đó theo Nghị định của Thống đốc Krantz và thay thế bằng hệ thống 3 cấp (cấp 1, 2, 3). Theo quyết định này, mỗi huyện đều phải có một trường cấp 1. Tại mỗi trung tâm như Khu thanh tra Sài Gòn, Chợ Lớn, Mĩ Tho, Sóc Trăng, Bến Tre, Biên Hòa, Long Xuyên, Gò Công, Trảng Bàng, Cần Thơ, Trà Vinh, Sa Đéc, Tân An, Châu Đốc, Bà Rian, Thủ Dầu Một, Rạch Giá, Hà Tiên và Cái Bè được phép mở một trường cấp 1 [3, tr.42].

Khi thiết lập được chế độ thuộc địa trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam, thực dân Pháp đẩy mạnh hơn nữa công cuộc tái thiết nền giáo dục Việt Nam trên cả ba kỳ. Với những kinh nghiệm có được từ việc thiết lập bậc tiểu học cũng như nhận thấy những hạn chế trong việc thay đổi nền giáo dục Việt Nam tại Nam Kỳ, Paul Bert (Tổng trú sứ của Bắc Kỳ và Trung Kỳ) công bố “*Quyết định về ban hành chương trình giáo dục bậc tiểu học*”tại các trường thuộc chính quyền bảo hộ vào ngày 12-3-1885. Quyết định này đề cập đến chức trách, nhiệm vụ của nhân sự giáo dục, thanh kiểm tra trường học…, đặc biệt quy định việc giảng dạy ngôn ngữ bản xứ là chữ Quốc ngữ và chữ Hán được tiến hành bên cạnh các buổi học tiếng Pháp. Nhưng tiếc thay, cuối năm 1886, Paul Bert mất đột ngột khiến sự nghiệp giáo dục của ông bị dừng lại. Tuy nhiên, Quyết định 12-3-1885 vẫn có hiệu lực và mang lại một số kết quả với 7 trường Pháp – Việt được thành lập. Ở Trung Kỳ, song song với nền giáo dục Nho học truyền thống dưới sự quản lý của triều Nguyễn, người Pháp từng bước điều chỉnh, biến đổi nền giáo dục này theo mô hình giáo dục của mình.

Như vậy, cho đến đầu thế kỷ XX, hệ thống giáo dục phổ thông Việt Nam không giống nhau ở ba kỳ. Thứ nhất, ở Nam Kỳ, đa số các tổng, xã đều có trường tiểu học Pháp – Việt dạy chữ Pháp và Quốc ngữ. Thứ hai, ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, số trường dạy chữ Pháp và chữ Quốc ngữ rất ít, trong khi đó các trường chữ Hán vẫn tồn tại khắp nơi. Sự khác biệt giữa ba kỳ đã làm cho người Pháp gặp nhiều khó khăn cho việc chỉ đạo. Do đó, yêu cầu cần phải tiến hành cải cách giáo dục đã được đặt ra cho những nhà cầm quyền.

Cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất gắn liền với Toàn quyền Paul Beau. Paul Beau khá thận trọng trong việc thay đổi nền giáo dục ở Bắc và Trung Kỳ xuất phát từ việc nhận thấy những “*thất bại*” trong chính sách giáo dục của người Pháp ở Nam Kỳ buổi đầu. Là một nhà giáo dục nổi tiếng, Paul Beau chủ trương thực hiện việc thay đổi nền giáo dục bản xứ từng bước nhưng *“ảnh hưởng của nước Pháp sẽ ngấm dần nhưng liên tục vào nhân dân ta*” [1, tr.55]. Paul Beau không tán thành việc bắt nhân dân Việt Nam phải bỏ chữ Hán để học chữ Pháp và chữ Quốc ngữ như các Đô đốc đã thực hiện ở Nam Kỳ. Trên cơ sở đó, Paul Beau đưa ra kế hoạch cải cách giáo dục thông qua các nghị định được ban hành trong năm 1906. Theo đó, hệ thống các cấp học có sự thay đổi căn bản. Bậc tiểu học của hệ thống trường Pháp – Việt gồm 4 năm học được chia thành các lớp: lớp tư, lớp ba, lớp nhì và lớp nhất. Đến năm 1910, Klobukowsky cũng đề ra chương trình giáo dục tiểu học Pháp – Việt gồm 4 năm học với tên gọi Dự bị, Sơ học, Trung đẳng, Cao đẳng.

Đối với nền giáo dục truyền thống ở Trung Kỳ, chính quyền Pháp tiến hành đổi mới nền giáo dục Nho học theo chiều hướng tiếp cận với nền giáo dục mới. Các trường tiểu học Pháp – Việt cũng được ra đời với 4 lớp: lớp dự bị (lớp tư), lớp sơ đẳng (lớp ba), lớp nhì, lớp nhất. Trường nhận trẻ từ 8 đến 14 tuổi.

Bậc tiểu học một lần nữa được điều chỉnh qua bộ Học chính tổng quy được ban hành vào ngày 21-12-1917 dưới thời cầm quyền của Toàn quyền Albert Sarraut. Đây được xem là cuộc cải cách giáo dục lần thứ hai. Theo Học chính tổng quy, hệ thống giáo dục bao gồm trường Pháp và trường Pháp bản xứ (quy định cho tất cả các trường ở Đông Dương và ở Việt Nam, những trường này được gọi là trường Pháp – Việt). Với trường Pháp – Việt, hệ thống giáo dục gồm giáo dục phông thông và giáo dục nghề. Giáo dục phổ thông được chia làm các bậc: đệ nhất cấp (tiểu học), đệ nhị cấp (trung học) và đệ tam cấp (cao đẳng). Trong đó, bậc tiểu học gồm hai loại trường: trường Tiểu học toàn cấp và trường Sơ đẳng tiểu học. Các trường Tiểu học toàn cấp gồm 5 lớp đồng ấu, dự bị, sơ đẳng, lớp nhì và lớp nhất. Còn trường Sơ đẳng tiểu học là những trường chỉ có hai hoặc ba lớp đầu mà thôi. Loại trường này chủ yếu mở ở các làng xã: “*học trò phần nhiều chỉ có thể học mấy năm cho biết đọc biết viết rồi về làm ruộng, không có chí học đến lấy bằng tốt nghiệp tiểu học thì chỉ nên đặt trường sơ đẳng mà thôi. Hoặc như có đứa nào theo đuổi hơn nữa thời lên trường bị thể nào gần đó mà học cho đến khi thi tốt nghiệp*” [1, tr.84-85]. Nghị định này quy định chương trình giáo dục tiểu học được miễn phí hoàn toàn.

Với giáo dục nam sinh, mỗi xã phải mở ít nhất một trường công bậc tiểu học. Những xã có dưới 500 người đóng thuế thì mở trường chung cho các xã đó, lấy ngân sách của xã, địa phương chi trả. Với giáo dục nữ sinh, mỗi tỉnh phải có một trường toàn cấp cho nữ giới, thể thức như trường của nam giới. Nếu tỉnh nào chưa có trường riêng thì có thể thì có thể cho nam nữ học chung trường, chung thầy nhưng phải riêng lớp (trừ lớp đồng ấu).

Cũng trong khoảng thời gian này, sau những khoa thi Hương, thi Hội, thi Đình cuối cùng ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, ngày 14-6-1919, vua Khải Định ký dụ bãi bỏ tất cả các trường học chữ Hán cùng với hệ thống quản lý từ triều đình đến cơ sở. Như vậy, Nghị định ngày 21-12-1917 của Toàn quyền Đông Dương và Dụ của triều đình Huế đã xóa bỏ hoàn toàn nền giáo dục Nho giáo, xác lập nền giáo dục mới với sự thống nhất trên cả ba kỳ. Tuy nhiên, chương trình học khá nặng đã không đưa lại hiệu quả cao. Một thống kê vào năm 1923 ở cả ba kỳ cho biết tổng số học sinh ở lớp đồng ấu là 90.000 (trong tổng số 187.000) thì lớp nhì và lớp nhất chỉ có 17.000 [5]. Thực tế này buộc chính quyền Pháp phải điều chỉnh lại bậc tiểu học. Do vậy, năm 1924, lớp nhì được chia thành lớp nhì năm thứ nhất và lớp nhì năm thứ hai. Đến lúc này, bậc tiểu học bao gồm 6 lớp.

Năm 1933, chính quyền Pháp ban hành nghị định quy định về giáo dục sơ học bản xứ và tiểu học Pháp – Việt ở Trung Kỳ. Theo đó, tùy theo nhu cầu của từng vùng, các trường sơ học công bản xứ bao gồm toàn bộ các lớp bậc sơ học bản xứ (lớp đồng ấu, dự bị và sơ học) có thể được chuyển đổi thành trường tiểu học Pháp – Việt cấp nhà nước bằng cách bổ sung các lớp nhì năm thứ 1, lớp nhì năm thứ 2 và lớp nhất bậc cao đẳng tiểu học Pháp – Việt.

Như vậy, tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của từng giai đoạn cai trị mà người Pháp có những bước đi thích hợp trong việc điều chỉnh, thay đổi về mặt cơ cấu, tổ chức để đạt đến sự ổn định của bậc tiểu học trong nền giáo dục Pháp – Việt.

**2.2. Chương trình giảng dạy và sách giáo khoa ở bậc tiểu học**

***2.2.1. Chương trình giảng dạy***

Có thể khẳng định, chương trình đóng vai trò quan trọng quyết định đến chất lượng của hoạt động giáo dục. Với bậc tiểu học, người học học những môn học nào là vấn đề được đặt ra từ rất sớm. Từ năm 1864 cho đến năm 1945, chương trình giáo dục được thay đổi nhiều lần để phù hợp với mục tiêu đặt ra của người Pháp trong từng giai đoạn.

Theo Nghị định năm 1874, ở Nam Kỳ, chương trình học của bậc tiểu học gồm các môn học chữ Hán, chữ Quốc ngữ, tiếng Pháp, số học sơ cấp, hình học cơ bản, khái niệm đo đạc sơ đẳng, khái niệm chung về địa lý và lịch sử.

Trong năm 1906, Toàn quyền Đông Dương quyết định đưa chương trình giáo dục Pháp vào giảng dạy tại các trường tiểu học Pháp – Việt ở Trung Kỳ thông qua Nghị định ngày 30-10-1906. Cụ thể, chương trình giảng dạy bao gồm các môn học giáo dục đạo đức, tập đọc, tập viết, số học, khái niệm về hình học thực hành và đo đạc, kế toán, tiếng Pháp, chữ Quốc ngữ, khái luận về lịch sử, địa lí Đông Dương, khái niệm về địa lý, khái luận về hình học, khái niệm về khoa học vật lí và khoa học tự nhiên, ứng dụng khoa học trong nông nghiệp, vệ sinh, mĩ nghệ, chữ Hán.

Với cuộc cải cách giáo dục lần thứ hai, để có thể đáp ứng 5 mục tiêu mà Học chính tổng quy đề ra (giáo dục đạo đức, giáo dục thể chất và vệ sinh, giáo dục sơ đẳng, thủ công và truyền bá tiếng Pháp), A. Sarraut cũng đồng thời quy định chương trình giảng dạy với các môn học: đạo đức, giáo dục thể chất, ngôn ngữ bản địa, tiếng Pháp, số học và hệ mét, hình học, khoa học thường thức, kiến thức phổ thông, địa lý, lịch sử, vẽ, thủ công, chữ Hán.

Chương trình giảng dạy trong các trường tiểu học Pháp – Việt tiếp tục được sửa đổi qua Nghị định ngày 7-7-1927 của Toàn quyền Đông Dương. Theo đó, các môn học được quy định rất cụ thể cho từng lớp.

- Chương trình dạy tiếng Pháp cho 3 lớp đầu tiên:

+ Lớp đồng ấu: bài tập về từ vựng; tập đọc, tập viết, hát (không bắt buộc).

+ Lớp dự bị: bài tập về từ vựng (học các từ thông dụng, bài tập chia động từ), tập đọc và học thuộc, các từ, bài đọc; tập viết, dịch, hát bằng tiếng Pháp (không bắt buộc).

+ Lớp sơ đẳng: tập đọc và hội thoại, viết, chính tả, ngữ pháp, tập làm văn, dịch các câu hỏi hội thoại thông thường từ tiếng Pháp sang chữ Quốc ngữ.

- Chương trình học của lớp nhì năm thứ 1 gồm các môn học: tiếng Pháp, đạo đức, giáo dục thể chất và vệ sinh thân thể, ngôn ngữ bản địa, lịch sử, địa lý, số học, hệ mét và hình họa, môn học về vạn vật, lao động thủ công [3, tr.745]. Đối với trường nam sinh, học sinh còn học thêm các môn: dựng khối hình học đơn giản bằng bìa các-tông, gỗ bằng cách làm khung hoặc tối giản các góc bằng sợi sắt, bài tập thực hành liên quan đến cuộc sống hàng ngày (đóng sổ, bọc sách, sửa chữa dụng cụ, vẽ đồ vật), bài tập tự chọn tại nhà hoặc tại lớp, dùng cưa cắt, tạo hình các con gia súc và lắp ráp các bộ phận bằng cách dán hoặc đóng đinh chế tạo một số đồ vật (bằng tre, gỗ, sắt) [3, tr.745-746]. Đối với trường nữ sinh, học sinh học các thêm các môn: bài tập khâu vá thông thường; bài tập thêu đã học từ lớp sơ đẳng; những khái niệm sơ đẳng về nữ công gia chánh; vẽ theo chương trình của lớp sơ đẳng.

- Chương trình học về vạn vật của lớp nhì năm thứ 2: người (mô tả cơ thể con người và khái niệm về các chức năng sống); động vật (khái niệm về một số ngành chính và phân ngành có xương sống theo hạng); thực vật (nghiên cứu các bộ phận chính của loài cây, khái niệm về một số phân ngành thực vật chính, khái niệm sơ lược và cụ thể về việc trồng một số loài cây lương thực hoặc cây công nghiệp của Đông Dương); ba trạng thái vật chất [1, tr.746].

Gần mười năm sau (năm 1935), chương trình sơ học yếu lược và tiểu học Pháp - Việt chủ yếu được điều chỉnh đối với ba lớp đầu tiên là đồng ấu, dự bị và sơ học. Theo nghị định, lớp đồng ấu được giảng dạy hoàn toàn bằng ngôn ngữ bản địa với các môn học đạo đức, thể dục, ngôn ngữ bản địa, làm tính và hệ mét, vẽ bằng bút chì, vẽ theo mẫu, cách trí, địa lý, thủ công, chữ Hán. Với lớp dự bị, học sinh học các môn đạo đức, thể dục, ngôn ngữ bản địa, tiếng Pháp (từ vựng, tập viết), số học và hệ mét, vẽ bằng chì, cách trí, địa lý, lịch sử, vẽ hoa văn, thủ công, chữ Hán. Với lớp sơ học, có các môn đạo đức, thể dục, ngôn ngữ bản địa, tiếng Pháp (từ vựng, bài tập hội thoại, tập đọc, tập viết, chính tả và ngữ pháp, thành lập câu đơn, dịch), số học và hệ mét, vẽ bằng chì, vẽ theo mẫu, khoa học thường thức, địa lý, lịch sử, thủ công, chữ Hán, địa lý.  Với lớp nhì năm thứ nhất dành cho học sinh có bằng sơ học yếu lược bản xứ, có môn tiếng Pháp hoặc không. Mọi dạng bài tập đều nhằm mục đích hoàn thiện ngôn ngữ Pháp, tiếp thu dần kiến thức và cách dùng tiếng Pháp. Về nguyên tắc, mọi giờ học đều là cơ hội nâng cao tiếng Pháp, hai trên 3 giờ trên lớp đặc biệt dành cho việc giảng dạy tiếng Pháp. Với các môn học khác, việc ôn tập ban đầu bằng ngôn ngữ bản địa phải được thay thế dần dần và tiến tới chỉ sử dụng tiếng Pháp trong 2 tháng cuối của năm học. Do mục đích đặc biệt của năm học đầu tiên này, chương trình không thêm môn nào so với 3 năm đầu và so với bằng sơ học yếu lược bản xứ. Chương trình hai lớp còn lại được giữ nguyên và chương trình sửa đổi này có hiệu lực kể từ đầu năm học 1935 – 1936 [3, tr.1021-1027]. Tuy nhiên, đến năm 1938, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định ngày 18-1 sửa đổi chương trình tiểu học bản xứ và tiểu học Pháp – Việt. Cụ thể, chương trình học tại các trường hiện được gọi là chương trình tiểu học bản xứ và tiểu học Pháp – Việt, được đổi tên là sơ học yếu lược Đông Dương và bổ túc tiểu học Đông Dương. Các trường giảng dạy chương trình này được gọi là trường sơ học yếu lược Đông Dương và trường bổ túc tiểu học Đông Dương. Chương trình mới có hiệu lực từ năm 1938-1939. Trường hợp ngoại lệ, lớp đồng ấu và lớp nhì năm thứ nhất có thể được áp dụng từ ngày 01-02-1938 theo quyết định của người đứng đầu chính quyền cấp kì hoặc của Bộ Quốc gia Giáo dục đối với Trung Kỳ.

***2.2.2. Sách giáo khoa***

Thời gian đầu ở Nam Kỳ, người Pháp sử dụng Gia Định báo làm sách tập đọc, sau đó họ đưa sách giáo khoa từ Pháp sang nhưng không hiệu quả do sự khác biệt về trình độ và văn hóa. Cho đến những năm 80 của thế kỷ XIX, Trương Vĩnh Ký và một số người Pháp trong cơ quan Học chính Nam Kỳ tiến hành biên soạn một số sách giáo khoa để dạy trong các trường tiểu học.

Năm 1917, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định liên quan đến giáo trình được đưa vào giảng dạy tại các trường học ở Đông Dương. Cụ thể, sách giáo khoa dành cho học sinh phải tuân thủ những quy định: phải có tên trong danh sách được Toàn quyền phê chuẩn; việc đăng ký các ấn phẩm sử dụng tại khối trường công lập phải được ghi trong đơn đề nghị do tác giả hoặc nhà xuất bản hoặc hiệu sách hay một thành viên ngành học chính gửi tới Chánh Sở học chính cấp kì, đồng thời nêu rõ lợi ích của việc sử dụng những ấn phẩm đó; mọi tác giả, nhà xuất bản, hiệu sách muốn đăng ký tên ấn phẩm vào danh sách trên phải nộp 2 bản lưu chiểu (một ở phòng ban của Phủ Toàn quyền và một ở chính quyền cấp kì); các giáo sư hoặc giáo viên tiểu học chính ngạch có quyền tham gia hội thảo chuyên đề dưới sự chủ trì của hiệu trưởng để lập danh sách giáo trình phù hợp cho học sinh của trường [3, tr.324]. Trên cơ sở đó, Chánh Sở học chính cấp kì tập trung danh sách đã lập để chuyển tới người đứng đầu chính quyền cấp kì. Sau khi xem xét, người đứng đầu chính quyền cấp kì gửi tới Toàn quyền danh sách đó kèm theo đánh giá. Danh sách ấn phẩm được chọn do Toàn quyền quyết định và được đăng trên Công báo. Với những lần sau, khi có bổ sung các ấn phẩm phục vụ cho việc giảng dạy thì lập theo như danh sách chính thức và được quyết định trong quý cuối cùng của năm học.

Đến những năm 20, 30 của thế kỷ XX, nhiều sách giáo khoa dạy tiếng Việt được đưa vào giảng dạy. Có thể kể đến một số sách như *Quốc ngữ sơ học vấn tân* (Nguyễn Mạnh Khoa), *Lên Sáu: Sách vần quốc ngữ* (Nguyễn Khắc Hiếu); *Ấu viên tất độc* (Trần Phong Sắc), *Sách dạy vần quốc ngữ* (Đỗ Thận), *Tiếng một An Nam dùng cho học trò Sơ đẳng tiểu học* (Tống Viết Toại); *Tập đọc và Học thuộc lòng* (lớp Sơ đẳng và Trung đẳng năm thứ nhất) (Mai Văn Phương, Bùi Huy Huệ), *Tân Việt văn độc bản* (lớp trung đẳng, năm thứ nhất và thứ nhì) (nhà in Legrand). Đặc biệt, quy định phải dạy bằng tiếng bản xứ cho ba lớp đầu bậc tiểu học là cơ sở cho sự ra đời của bộ sách giáo khoa “Việt Nam Tiểu học Tùng thư” do Nha Học chính Đông Pháp xuất bản với các sách *Quốc văn giáo khoa thư*, *Luân lý giáo khoa thư*, *Sử ký - địa dư giáo khoa thư*, *Cách trí – Địa dư giáo khoa thư*, *Vệ sinh giáo khoa thư*, *Toán Pháp cách trí địa dư*, *Toán Pháp giáo khoa thư*, *Hán văn tâm giáo khoa thư*…[2, tr.63-64].

Ngoài ra, chính quyền còn ban hành các nghị định liên quan đến việc biên soạn sách giáo khoa cho bậc tiểu học. Chẳng hạn, Nghị định ngày 10-5-1926 đã đề cập đến các vấn đề: quy định người chịu trách nhiệm chỉ đạo việc biên soạn sách giáo khoa (là Giám đốc Nha học chính), dự thảo quy định, thành lập ban tiếp nhận, in ấn sách giáo khoa.

**2.3. Đội ngũ giáo viên ở bậc tiểu học**

Nhận thức sâu sắc vai trò quan trọng của người giáo viên trong hoạt động giáo dục đào tạo, chính quyền Pháp luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến đội ngũ này. Để đảm bảo chất lượng và số lượng, chính quyền Pháp tiến hành thành lập các trường, lớp sư phạm. Đó là trường Sư phạm thuộc địa tại Sài Gòn (năm 1871), lớp dự bị sư phạm để đào tạo giáo viên hướng dẫn bậc tiểu học Pháp – Việt (năm 1922), trường Sư phạm tại Sài Gòn để đào tạo nữ giáo viên tiểu học bản xứ khu vực Nam Kỳ (năm 1923). Tại Bắc Kỳ, ngày 9-8-1923, Thống sứ Bắc Kỳ ban hành Nghị định số 2361 liên quan đến kì thi tuyển sinh vào lớp dự bị sư phạm để đào tạo giáo viên hướng dẫn bậc tiểu học Pháp - Việt. Đến năm 1925, Toàn quyền Đông Dương quyết định tái cơ cấu các trường Sư phạm tiểu học tại Đông Dương. Đây là ngôi trường có chức năng đào tạo nam, nữ giáo viên tiểu học bản xứ tại các xứ thuộc Liên bang Đông Dương. Thí sinh được lựa chọn thông qua thi cử và phải đáp ứng các tiêu chuẩn về độ tuổi (đủ 18 tuổi tính đến ngày 31-12 của năm tuyển sinh) và bằng cấp (bằng tiểu học) [3, tr.698].

Yêu cầu đặt ra đối với giáo viên tiểu học người Âu và người bản xứ là phải có đạo đức và năng lực (theo điều 2 của quyết định 17-11-1874). Tiếp sau đó, trước sự phát triển mạnh mẽ của nền giáo dục tiểu học, nhiều tiêu chuẩn được đặt ra hơn. Chẳng hạn, theo Nghị định ngày 30-10-1906, để được bổ dụng làm nữ giáo viên tiểu học tập sự, ứng viên phải thỏa mãn một số điều kiện sau: mang tư cách là công dân Pháp, đáp ứng yêu cầu của luật tuyển quân, hạnh kiểm đạo đức tốt, sức khỏe tốt để lưu trú tại Đông Dương, độ tuổi từ 20 – 40. Bên cạnh đó, để trở thành giáo viên của trường Pháp – Việt tại Trung Kỳ, các ứng viên phải đủ 21 tuổi, có bằng trung học Pháp – Việt với tư cách đạo đức tốt.

Để giáo viên có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ, chính quyền Pháp đặt ra chế độ đãi ngộ hợp lý. Chế độ đầu tiên không thể không đề cập đến là tiền lương. Mức lương chi trả cho giáo viên được căn cứ trên cơ sở thành phần xuất thân là người Âu hay người bản xứ và thứ hạng của họ.

Ngoài tiền lương, giáo viên tiểu học còn được nâng hạng. Tùy thuộc vào từng hạng giáo viên mà tiêu chuẩn để được nâng hạng có sự khác biệt. Chẳng hạn, đối với giáo sư hoặc nữ giáo viên tập sự người Pháp sẽ được nâng hạng sau một năm công tác và chỉ được cất nhắc lên hạng cao hơn sau 2 năm công tác tại hạng, trong đó 1 năm là việc liên tục tại thuộc địa. Còn đối với giáo viên tiểu học bản xứ, việc nâng hạng lại tuân thủ theo từng trường hợp cụ thể: một năm làm việc liên tục đối với giáo viên tiểu học không chính ngạch; hai năm làm việc liên tục đối với giáo viên tiểu học chính ngạch; ba năm làm việc liên tục đối với giáo viên tiểu học chính [3, tr.137].

Quy định nâng hạng còn được đề cập đến qua một số nghị định khác với nội dung cụ thể như: nữ giáo viên hạng 2 được đề nghị nâng hạng và làm việc tại hạng này trong 6 năm liên tục có thể được bổ nhiệm lên ngạch giáo viên ngoại hạng (Nghị định ngày 24-11-1906); nữ giáo viên tiểu học tập sự chỉ được nâng ngạch sau 1 năm công tác tại thuộc địa và lên hạng cao hơn sau 2 năm công tác, trong đó có 1 năm làm việc liên tục tại thuộc địa, ngạch giáo viên tiểu học ngoại hạng chỉ được trao cho những người đã có 6 năm công tác ở hạng đầu tiên; những nữ giáo viên tiểu học Sở Học chính Nam Kỳ đương chức chỉ được nâng lên hạng cao hơn hạng 3 nếu có bằng cao đẳng (Nghị định ngày 8-2-1907). Nghị định ngày 5-8-1909 quy định giáo sư và nữ giáo viên tiểu học tập sự được bổ nhiệm vào ngạch giáo sư hạng 4 hoặc nữ giáo viên tiểu học hạng 5 sau 2 năm thực tập. Những thực tập sinh có chứng chỉ sư phạm được miễn giảm 1 năm tập sự. Những giáo sư chính ngạch ngoại hạng, giáo sư chính, giáo sư và nữ giáo viên tiểu học chỉ được nâng lên hạng cao hơn sau 2 năm công tác tại ngạch, trong đó có 1 năm làm việc liên tục tại thuộc địa [3. tr.189]. Những nữ giáo viên tiểu học hạng 1 chỉ được bổ dụng lên ngạch nữ giáo viên tiểu học ngoại hạng sau 4 năm làm việc tại ngạch bậc của họ, trong đó có 2 năm làm việc liên tục tại thuộc địa [3, tr.190].

Ngoài ra, chính quyền còn đề ra một số ưu tiên khác như giáo viên tiểu học dạy chữ Hán tại các trường Pháp – Việt được miễn xuất trình bằng trung học Pháp – Việt nếu đạt một trong 4 học vị: tiến sĩ, phó bảng, cử nhân hoặc tú tài. Bên cạnh đó, các giáo viên còn được chu cấp nhà ở; phụ cấp đi đường và chế độ nghỉ phép, điều trị tại bệnh viện, lương hưu. Song song với các chính sách ưu đãi, chính quyền Pháp còn đặt ra những hình thức kỷ luật áp dụng đối với giáo viên tiểu học. Họ sẽ bị sa thải khi không có đủ khả năng đảm nhiệm công việc.

**2.4. Bằng cấp và quy chế thi cử ở bậc tiểu học**

Ghi nhận kết quả học tập đạt được bằng bằng cấp thông qua hoạt động thi cử đã được chính quyền Pháp quy định rõ qua một số Nghị định sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nghị định** | **Loại bằng** | **Điều kiện dự thi/Thời gian** | **Hình thức thi** | **Môn thi** |
| Nghị định của Toàn quyền Đông Dương quy định về các kỳ thi diễn ra ở Trung Kỳ ngày 30-10-1906 | Sơ đẳng tiểu học | - Thí sinh đủ 11 tuổi- Ngày 15/6 hàng năm | Viết | Chính tả, Thi viết, Toán đố, Tập làm văn, May vá, Canh nông hoặc hội họa, Bài tập đọc và học thuộc lòng, Bài tập vẽ. |
| Vấn đáp | Bài tập đọc có giải thích, kèm với bài thi học thuộc lòng một đoạn văn do thí sinh lựa chọn trên danh sách quy định, Các câu hỏi về lịch sử và địa lý. |
| Tiểu học Pháp-Việt | - Thí sinh đủ 14 tuổi | Viết | Thi viết kiểu chữ thường, chữ rông ngả, Tập làm văn bằng tiếng Pháp, Câu hỏi về số học và hệ mét, Hình học, Một bài toán về phép đo diện tích, Bài luận bằng chữ Quốc ngữ, Bài luận bàng chữ Hán. |
| Vấn đáp | Bài tập đọc bằng tiếng Pháp có giải thích, phân tích; Dịch một bài khóa từ chữ Quốc ngữ sang tiếng Pháp; Dịch một bài khóa từ tiếng Pháp sang chữ Quốc ngữ; Địa lý theo chương trình lớp nhất và lớp nhì; Hội thoại bằng tiếng Pháp về các bài học được đăng kí vào chương trình của lớp cao đẳng. |
| Nghị định của Toàn quyền Đồng Dương quy định về các kỳ thi Pháp Việt ở Đông Dương ngày 23-2-1915 | Tiểu học Pháp – Việt | - Thí sinh đủ 13 tuổi- Tháng cuối cùng của năm học | Viết | Bài chính tả từ 10 đến 15 dòng, Bài tập làm văn đơn giản bằng tiếng Pháp, Một số bài toán về số học và các ứng dụng của hệ mét với cách giải lập luận, Một trang tập viết với kiểu chữ thảo, chữ rông và chữ kiểu thường, Bài thi vẽ tĩnh vật (đối với thí sinh nam), Bài thi may vá thông thường (đối với thí sinh nữ). Tại Trung Kỳ, các thí sinh có thể ghi thêm bài dịch viết một văn bản bằng chữ Hán sang chữ Quốc ngữ. |
| Vấn đáp | Đọc có giải thích một bài thi hội thoại thông thường, Vấn đáp về kiến thức thông thường và vệ sinh, Vấn đáp về địa lý, Vấn đáp về lịch sử và chính quyền địa phương, Bài tập dịch: dịch một văn bản bằng ngôn ngữ địa phương sang tiếng Pháp và ngược lại. |
| Nghị định ngày 21-12-1917 của Toàn quyền Đông Dương ban hành bộ Học chính tổng quy tại Đông Dương | Tiểu học | - Đủ 13 tuổi đối với thí sinh nam và 14 tuổi đối với thí sinh nữ- Tháng cuối cùng của năm học | Viết | Chính tả, Làm văn bằng tiếng Pháp, Giải có lập luận hai bài toán về số học và ứng dụng của hệ mét, 1 trang tập viết, Vẽ tĩnh vật (đối với thí sinh nam), May vá (đối với thí sinh nữ). |
| Vấn đáp | Bài thi đọc có giải thích kèm theo bài hội thoại, Kiến thức phổ thông, Địa lý lịch sử và chính quyền địa phương, Dịch (dịch một bài khóa từ ngôn ngữ bản địa sang tiếng Pháp và ngược lại). |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nghị định của Toàn quyền Đông Dương ngày 11-4-1939  | Tiểu học Pháp-Việt |  | Vấn đáp | Bài tập đọc có giải thích bằng tiếng Pháp kèm theo bài hội thoại thông thường, Bài dịch Pháp – Việt và Các bài vấn đáp về đạo đức và giáo dục công dân, khoa học thường thức và vệ sinh, địa lý và lịch sử. |

[3, tr.141-145, 426-427, 283-288, 1235-1236]

Ngoài những quy định về điều kiện dự thi, thời gian, môn thi của mỗi loại hình thức thi như đã nói trên, về cơ bản các nghị định đều đề cập đến các nội dung còn lại của một khóa thi như việc thành lập hội đồng thi, thủ tục nộp hồ sơ dự thi, lập danh sách thí sinh, điểm thi, thời gian và hệ số bài thi, cách thức thi, kiểm soát an ninh tại phòng thi, hình thức xử lý thí sinh vi phạm. Điều này không chỉ phản ánh tính quy cũ trong cách thức tổ chức thi cử mà còn khẳng định giá trị to lớn của tấm bằng mà người học đạt được sau một bậc học.

**2.5. Công tác thanh tra, giám sát trường học**

Nhằm nâng cao và đánh giá chất lượng của tổ chức hoạt động dạy và học, chính quyền Pháp đặc biệt coi trọng việc thanh tra, giám sát trường học. Công tác này được tiến hành thường xuyên theo điều 5 của Nghị định ngày 17-11-1874. Toàn quyền Đông Dương còn quy định trách nhiệm thanh tra, giám sát các trường học ở thành phố Sài Gòn của Chánh Sở học chính Nam Kỳ theo Nghị định ngày 31-8-1900. Hoạt động thanh tra, giám sát các trường tiểu học còn được phản ánh trong Học chính tổng quy qua các điều 94 – 96 với các nội dung về lực lượng thanh tra, nhiệm vụ và quyền lợi của thanh tra. Cụ thể như sau:

“Điều 94. Việc thanh tra chuyên môn và kĩ thuật được giao cho các viên chức sau: Viên chức do Trưởng ban chỉ đạo bậc tiểu học ủy quyền, chọn trong số giáo viên từng làm hiệu trưởng; Các thanh tra giáo dục thường xuyên do Toàn quyền chỉ định trong số: Viên chức học chính Chính quốc biệt phái, hưởng lương theo 8000 phơ-răng, từng sống tối thiểu 2 năm tại thuộc địa, có bằng cấp về ngôn ngữ Đông Dương hoặc chữ Hán; Viên chức từng giữ chức hiệu trưởng trường bổ túc hoặc thanh tra giáo dục Nam Kỳ; Giáo viên tiểu học có bằng cấp về ngôn ngữ Đông Dương hoặc chữ Hán, từng giữ chức hiệu trưởng, nếu không có ứng viên như trên; Thanh tra giáo dục bản xứ được lựa chọn trong số giáo viên tiểu học ngoại hạng, giáo viên chính hoặc giáo viên chính ngạch hạng 1 (nếu thiếu) do người đứng đầu chính quyền địa phương bổ dụng.

Điều 95. Thanh tra tiểu học viết báo cáo và lập thành 2 bản gửi Trưởng ban chỉ đạo bậc tiểu học. Một bản được gửi tới người đứng đầu chính quyền địa phương. Người đứng đầu địa phương sẽ thông tin tới các hội đồng hàng tỉnh hoặc tiểu khu về những vấn đề được thanh tra viên nêu ra.

Điều 96. Thanh tra tiểu học người Pháp và bản xứ có quyền hưởng trợ cấp công vụ và kinh lí do Toàn quyền quy định cho từng xứ theo đề nghị của những người đứng đầu chính quyền địa phương. Lương và phụ cấp lương của thanh tra tiểu học do ngân sách địa phương chi trả. Tại Nam Kỳ, lương và các phụ cấp lương của thanh tra tiểu học bản xứ có thể được ngân sách hàng tỉnh hoàn trả cho ngân sách địa phương” [3, tr.360-361].

Ngoài ra, chính quyền Pháp còn tiến hành tổ chức kì thi tuyển dụng vào Ban Thanh tra bậc giáo dục tiểu học Pháp. Chẳng hạn, Nghị định ngày 28-4-1928 quyết định thành lập kì thi sát hạch khả năng chuyên môn để tuyển dụng thanh tra viên vào Ban Thanh tra bậc giáo dục tiểu học Pháp – Việt tại Đông Dương. Thí sinh phải đáp ứng được các điều kiện sau:

- Là công dân Pháp tuổi từ 25 tính đến ngày 31-12 của năm thi tuyển;

- Có bằng cao đẳng và chứng chỉ sư phạm hoặc chứng chỉ nghề nghiệp do các trường sư phạm cấp;

- Thuộc một trong số ngạch công chức ngành học chính địa phương tại Đông Dương, từng làm việc tối thiểu là 3 năm tại các trường học ở thuộc địa, hoặc tại khu vực Viễn Đông nằm ngoài thuộc địa nhưng hưởng lương từ ngân sách Đông Dương [3, tr.769].

Ngày 21-8-1930, Toàn quyền Đông Dương ban hành nghị định thiết lập chức danh Trưởng thanh tra giáo dục bậc tiểu học tại Nha Học chính Đông Dương. Với nghị định này, Trưởng thanh tra giáo dục thuộc quyền quản lý của Giám đốc Nha học chính. Trưởng Thanh tra được lựa chọn trong số giáo sư cao đẳng, giáo sư thạc sĩ, thanh tra tiểu học có trình độ cử nhân hoặc có chứng chỉ sư phạm, đã công tác tại Đông Dương tối thiểu 2 năm. Nhiệm vụ của Trưởng Thanh tra tiểu học là hỗ trợ Giám đốc Nha học chính hoàn thành mọi nhiệm vụ, tổ chức thanh tra các trường tiểu học, cao đẳng tiểu học và trường sư phạm. Trưởng thanh tra học chính được hưởng phụ cấp 1.500 đồng Đông Dương/năm. Trong trường hợp không hoàn thành tốt nhiệm vụ, Toàn quyền Đông Dương có thể cách chức Trưởng Thanh tra giáo dục theo đề nghị của Giám đốc Nha học chính. Trường hợp bị cách chức, trưởng Thanh tra tiểu học trở lại vị trí cũ của mình.

Để thuận lợi cho việc thanh tra, chính quyền Pháp cho đặt 7 đạo thanh tra học chính bậc tiểu học Pháp – Việt tại Bắc Kỳ qua Nghị định số 88 ngày 21-4-1932. Cụ thể, đạo 1: trụ sở tại Hà Nội gồm thành phố Hà Nội; Đạo 2: trụ sở tại Hải Phòng gồm thành phố Hải Phòng; Đạo 3: trụ sở tại Hà Nội gồm các tỉnh Hà Đông, Sơn Tây, Hòa Bình và Hà Nam; Đạo 4: trụ sở tại Nam Định gồm có các thành phố của các tỉnh Nam Định, Ninh Bình và Thái Bình; Đạo 5: trụ sở tại Hải Phòng gồm các tỉnh Hải Dương, Hưng Yên, Kiến An, Quảng Yên và Đạo quan binh Hải Ninh; Đạo 6: trụ sở tại phủ Lạng Thương gồm các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Cạn và Đạo quan binh Cao Bằng; Đạo 7: trụ sở tại Phú Thọ gồm các tỉnh Phúc Yên, Vĩnh Yên, Phú Thọ, Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai, Sơn La, các đạo Quan binh Hà Giang và Lai Châu [3, tr.846].

Như vậy, quyết định thành lập Ban Thanh tra, chức Trưởng Thanh tra với nhiệm vụ thanh tra, giám sát hoạt động dạy và học, kiểm tra chương trình, tài liệu học tập tại các địa phương đã góp phần tăng cường hơn nữa hiệu quả hoạt động giáo dục đào tạo ở các trường tiểu học.

**2.6. Hệ thống cơ sở vật chất, kế hoạch nghỉ học, hình thức xử lý đối với học sinh vi phạm**

***2.6.1. Hệ thống cơ sở vật chất***

Khác với hình ảnh học sinh ngồi xổm, ngồi trên chõng, ván hay đứng khi học bài trong các lớp học truyền thống, tại các trường tiểu học, lớp học được sắp xếp hiện đại với bàn ghế (đủ tiêu chuẩn để đọc và viết thuận lợi), bảng, phấn, các giáo cụ trực quan. Ngoài ra, người Pháp còn nghiên cứu đặc điểm khí hậu, đặc điểm sinh học của người Việt để đề ra những quy định hết sức cụ thể trong việc xây dựng lớp học (hướng về phía nam để tránh ánh nắng trực tiếp, đón gió mát vào mùa hè, hai cửa sổ lớn để đảm bảo ánh sáng và lưu thông không khí, cao hơn mặt đất vài bậc cấp tùy theo thổ nhưỡng của từng vùng); cách bố trí bàn ghế (độ dài bàn, khoảng cách giữa các dãy bàn). Chính quyền còn bổ sung trang thiết bị học tập như phấn, bảng học cho các trường học.

***2.6.2. Kế hoạch nghỉ học***

Chính quyền Pháp đã đề ra kế hoạch nghỉ học cho học sinh vào những ngày lễ quan trọng. Chẳng hạn, theo Nghị định số 1038 ngày 29-5-1918, kì nghỉ của các trường tiểu học Pháp - Việt được quy định như sau:

- Các trường kiêm bị [trường bị thể toàn cấp]: từ ngày 15-6 đến 01-9; ngày 1-11 và buổi sáng ngày mồng 2; ngày lễ Noel; ngày 31-12, 1 và 2-1; 8 ngày vào dịp tết, 3 ngày trước tết và 5 ngày sau tết; 6-5 ngày nhân dịp lễ phục sinh, từ thứ 5 đến thứ 2; ngày thứ 2 lễ Hạ trần.

- Các trường sơ đẳng: từ ngày 31-7 đến ngày 31-8; hai tuần trong tháng thứ 10 và tháng thứ 5 vào các vụ mùa. Thống sứ quy định ngày nghỉ dựa theo đề nghị của Hiệu trưởng các trường; hai tuần vào dịp tết, 1 tuần trước và 1 tuần sau tết; ngày tết trung thu, ngày 1-1, thứ 2 ngày lễ Phục sinh và ngày 14-7 [3, tr.71].

Năm 1919, Trưởng ban Giáo dục bậc tiểu học gửi Thông tư số 142 (ngày 13-1) đến hiệu trưởng các trường học ở Bắc Kỳ với nội dung về kì nghỉ tết. Theo đó, các trường tiểu học Pháp – Việt nghỉ học từ ngày 30-01 đến ngày 02-02 [3, tr.71-72].

***2.6.3. Hình thức xử lý đối với học sinh vi phạm***

Theo Nghị định ngày 16-12-1929, khung hình phạt áp dụng tại các trường tiểu học Pháp – Việt ở Đông Dương được quy định như sau:

- Các hình phạt do giáo viên hoặc hiệu trưởng quyết định: khiển trách, làm thêm giờ, tạm giữ có giám sát.

- Hiệu trưởng quyết định các hình phạt: tạm thời buộc học sinh nghỉ học trong thời gian tối đa là 8 ngày

- Hình phạt do thanh tra bậc tiểu học hoặc Chánh Sở học chính cấp kì quyết định trong trường hợp trường không trực thuộc ban Thanh tra nào: đuổi học vĩnh viễn.

- Hình phạt do người đứng đầu chính quyền cấp kì quyết định, theo đề xuất của Chánh Sở học chính cấp kì vào sau khi có ý kiến của Giám đốc Nha học chính: học sinh vĩnh viễn không được theo học tại tất cả các trường công lập thuộc Liên bang Đông Dương, cấm học sinh tham dự các kì thi hoặc thi tuyển sinh trong thời gian từ 1 đến 5 năm.

- Hình phạt do Toàn quyền quyết định theo đề xuất của người đứng đầu chính quyền cấp kì, sau khi có ý kiến của Giám đốc Nha học chính: học sinh vĩnh viễn không được theo học tại tất cả các trường công lập ở Đông Dương; cấm học sinh tham dự các kì thi hoặc thi tuyển sinh trong thời gian từ 1 đến 5 năm; tạm thời hoặc vĩnh viễn không được nhận vào làm các công sở [3, tr.790-791].

**3. Kết luận**

Chịu ảnh hưởng trực tiếp từ quan điểm, chính sách giáo dục của người Pháp, giáo dục tiểu học trong nền giáo dục phổ thông Pháp – Việt từng bước hình thành, phát triển và hoàn thiện qua các giai đoạn với nhiều lần thay đổi, điều chỉnh và cải cách lớn. Có thể thấy, đây là một mô hình giáo dục với nhiều điểm khác biệt so với nền giáo dục truyền thống của Việt Nam trên các phương diện: mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp, tổ chức. Trong đó, việc tổ chức các lớp học theo độ tuổi, giới tính; quy chế thi cử; công tác thanh tra, giám sát đã thể hiện rõ nét tính quy cũ, đồng bộ. Đặc biệt, chương trình giáo dục ở bậc tiểu học bao gồm các môn học thuộc khoa học xã hội nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học thường thức đã góp phần thay đổi nhân sinh quan, thế giới quan của người học, giúp người học có thể tiếp cận những tri thức mới với tính hệ thống, thiết thực và đa dạng. Thành quả đạt được chính là hành trang đóng giữ vai trò rất quan trọng để người học có thể tham gia bậc học kế tiếp. Những giá trị to lớn này cũng đồng thời đánh dấu bước phát triển của giáo dục tiểu học nói riêng và giáo dục phổ thông Pháp - Việt nói chung thời cận đại.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1] Phan Trọng Báu (1994), *Giáo dục Việt Nam thời cận đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[2] Trần Văn Chánh (2014), “Sách giáo khoa tiểu học thời Pháp thuộc”, tạp chí *Xưa và nay*, số 452, tr.62-64.

[3] Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước, Trung tâm lưu trữ Quốc gia I (2016), *Giáo dục Việt Nam thời kì thuộc địa qua tài liệu và tư liệu lưu trữ (1858 – 1945)*, Nxb Thông tin và truyền thông, Hà Nội.

[4] Nguyễn Hoa Mai (2019), *Tiếp biến văn hóa Pháp – Việt trong nền giáo dục Việt Nam giai đoạn 1884 – 1945*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

[5] Mạnh Tùng (2017), Chương trình tiểu học nặng nề dưới thời Pháp, http:// vnexpress.net/chuong-trinh-tieu-hoc-nang-ne-duoi-thoi-phap-3632375.html, truy cập ngày 10-2020.

Họ và tên: Lê Thị Hoài Thanh

Học vị: Thạc sĩ

Nơi công tác: Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Số điện thoại: 0913540607

Email: fuongthaohoa@gmail.com